

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/3/2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn,” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST -DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Doãn Văn T; sinh năm 1966

Địa chỉ: xóm 4, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Chị Trần Thị S; sinh năm 1973.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: xóm 4, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: có mặt anh T; chị S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2018, bản tự khai ngày 03/01/2019 và tại phiên tòa anh Doãn Văn T trình bày: anh và chị Trần Thị S tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 02 năm 1991. Đến tháng 10 năm 2014 thì chị S bỏ đi không có tin tức gì, anh đã tìm kiếm nhiều lần nhưng cũng không biết chị S làm gì ở đâu, anh đã làm đơn yêu cầu Tòa

án tuyên bố chị S mất tích. Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã ra Quyết định số 03/QĐST-DS ngày 17/7/2017 về việc tuyên bố chị Trần Thị S mất tích, nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Doãn Thị H sinh ngày 07/11/1994 và Doãn Văn T sinh ngày 19/6/1999. Nay các con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 01/3/2019 ông Doãn Văn Ng xóm trưởng xóm 4, xã Hoàn S, huyện Giao Thủy cung cấp thông tin: chị Trần Thị S đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay không về địa phương. Đến nay ông không biết tin tức gì về chị Sen.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn anh Doãn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân đối với chị Trần Thị S; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 4, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Doãn Văn T và chị Trần Thị S tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã H, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 02 năm 1991 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10 năm 2014 chị Sen bỏ nhà đi đâu làm gì không ai biết. Ngày 17/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tuyên bố chị Trần Thị S mất tích, kể từ đó đến nay vẫn không có tin tức gì về chị S, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của anh Tuế xin ly hôn chị S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Doãn Thị H, sinh ngày 07/11/1994 và Doãn Văn T, sinh ngày 19/6/1999, nay con chung của vợ chồng đều đã trưởng thành nên không xem xét về trách nhiệm nuôi con.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Anh Doãn Văn T và chị Trần Thị S.

2. Về án phí ly hôn: Anh Doãn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0000093 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp giấy ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

